

**Dự thảo**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung chi, mức chi cho  
công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015*

*Xét Tờ trình số TTr-UBND ngày ..... của Ủy ban Nhân dân tỉnh đề  
nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y  
tế - Dân số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Đề án số:...../ĐA-UBND  
ngày..... tháng.... năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số  
/BC-HĐND ngày tháng năm của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng Nhân  
dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi  
cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025,  
như sau:**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số giai  
đoạn 2021-2025 từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước thực hiện  
công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước thực hiện công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

### 1.3. Các hoạt động áp dụng:

1.3.1. Hoạt động phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến:

- Hoạt động phòng, chống lao;
- Y tế trường học;
- Hoạt động phòng, chống bệnh phong;
- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần;
- Hoạt động phòng, chống sốt rét;
- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết;
- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường;
- Hoạt động phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt;
- Hoạt động phòng, chống ung thư;
- Hoạt động phòng, chống tim mạch;

### 1.3.2. Hoạt động tiêm chủng mở rộng

1.3.3. Dân số và phát triển, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, chăm sóc SKSS, PHCN:

- Hoạt động dân số và phát triển;
- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em;
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng, tập huấn chuyên môn về PHCN.

### 1.3.4. An toàn thực phẩm;

### 1.3.5. Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS;

1.3.6. Hoạt động bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học;

### 1.3.7. Quân dân Y kết hợp;

1.3.8. Hoạt động theo dõi, kiểm tra giám sát đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế;

### 1.3.9. Hoạt động y tế dự phòng khác:

- Hoạt động phòng chống Tai nạn thương tích;
- Hoạt động an toàn vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp;

- Hoạt động phòng chống dịch bệnh mới nổi, dịch bệnh lưu hành, thảm họa thiên tai;

- Hoạt động điều trị Methadone (thuộc hoạt động PC HIV/AIDS) và hoạt động điều trị Methadone tại Trung tâm KSBT tỉnh;

- Hoạt động Kiểm dịch Y tế quốc tế;

- Hoạt động nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Hoạt động phòng, chống bệnh dại trên người.

1.3.10. Hoạt động phòng, chống mù lòa

## **2. Nội dung chi và mức chi**

### **2.1. Nội dung chi và mức chi chung**

2.1.1. Chi tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn, giao ban, nói chuyện chuyên đề, truyền thông, mít tinh, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình và các hoạt động thành phần thuộc chương trình...

a. Nội dung và mức chi theo Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b. Ngoài các nội dung chi tại Điểm a Khoản này, mức chi cho việc thuê hội trường, maket, tài liệu, văn phòng phẩm chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước, chi các hoạt động nghiên cứu, phục vụ nội dung chuyên môn của chương trình theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước và Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN).

2.1.3. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về các nội dung, hoạt động của chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số

71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

2.1.4. Chi điều tra, khảo sát, thống kê theo nội dung chuyên môn của từng hoạt động: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 109/2016/TT-BTC).

2.1.5. Chi xây dựng, quản lý, sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý dữ liệu; xây dựng, cập nhật và quản lý thông tin của các Hoạt động, chương trình trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử:

a. Đối với các trường hợp xây dựng dự án, mức chi căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin; định mức, đơn giá chuyên ngành do các Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan ban hành. Một số quy định hiện hành như sau:

- Lập và quản lý chi phí dự án ứng dụng công nghệ thông tin: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách Nhà nước;

- Chi phí thẩm định dự án: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

- Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin;

- Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chi xây dựng, nâng cấp phần mềm nội bộ: thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

b. Chi nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử: thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước;

c. Chi chuẩn hóa dữ liệu: mức chi trên cơ sở tham khảo định mức kinh tế-kỹ thuật theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

d. Chi cải tạo, sửa chữa hạ tầng, mua sắm tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ. Chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

e. Chi thuê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin, duy trì dịch vụ mạng (bao gồm thuê đường truyền, băng thông, duy trì tên miền, địa chỉ IP, thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin, các dịch vụ trực tuyến khác): thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.1.6. Chi thuê chuyên gia trong nước theo quyết định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.1.7. Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác quốc tế để tăng cường năng lực và triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động của chương trình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2.1.8. Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) (sau đây gọi tắt là hàng hóa) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng hoạt động thuộc chương trình (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có)). Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.1.9. Chi tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có) thuộc chương trình; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đã bao gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm tra, giám sát thuộc chương trình theo quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

- a. Mua nhiên liệu, hóa chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (nếu có);
- b. Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mẫu bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy;
- c. Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (nếu cần thiết);

Mức chi quy định tại Điểm a, b và c Khoản này căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi tiêu hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện ở địa phương;

d. Chi vận chuyển: thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm; vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh cần tiêu hủy; trang thiết bị, người tham gia phục vụ tiêu hủy. Mức chi theo quy định tại Khoản 2.1.11;

2.1.10. Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động thuộc chương trình do cấp có thẩm quyền phê duyệt: Theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.1.11. Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch:

a. Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức chi theo giá vé phương tiện vận tải công cộng;

b. Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: Mức chi theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành;

c. Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó) trong phạm vi dự toán được giao.

d. Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): Mức chi tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng (theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị)

Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

2.1.12. Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC .

2.1.13. Chi dịch thuật:

a. Dịch tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC;

b. Chi phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ;

c. Chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: áp dụng mức chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2.1.14. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc chương trình (riêng đối với hoạt động Tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

a. Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu;

b. Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy (nếu có): 30.000 đồng/mẫu;

c. Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.

2.1.15. Chi công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc Chương trình:

a. Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Khoản 1 và Khoản 2 Mục II Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Đối với đoàn công tác kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong đoàn. Để



tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, giấy triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này;

b. Trường hợp đi giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của các hoạt động, cán bộ y tế, dân số đi giám sát được hỗ trợ mức 40.000 đồng/người/ngày đi giám sát ngoài chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, tùy thuộc vào yêu cầu của mỗi cuộc kiểm tra, thanh tra, giám sát được sử dụng kinh phí của chương trình để thực hiện thêm một số nội dung như sau:

- Lấy, bảo quản hoặc mua mẫu xét nghiệm, mẫu phân tích: lấy mẫu theo quy định tại Khoản 2.1.14; việc bảo quản, mua mẫu theo chứng từ, hoá đơn hợp lệ và phù hợp với giá cả thị trường của địa phương tại thời điểm lấy mẫu;

- Vận chuyển phân tích từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm: Theo quy định tại Khoản 2.1.11;

- Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc: Theo quy định tại Khoản 2.1.12;

- Chi xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành. Đối với dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm chuyển từ phí sang cơ chế giá không thuộc danh Mục sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá: Mức chi theo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ;

- Chi khảo sát, điều tra, thống kê dịch tễ: Theo quy định tại Khoản 2.1.4.

2.1.16. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung chương trình:

- a. Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung:

- Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bạt (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Tiền nước uống cho người tham dự: theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị;

- Chi thù lao người thực hiện tư vấn: Mức chi theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống;

- Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 2.1.13;

b. Riêng trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế:

- Thù lao người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định;

- Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 2.1.13;

c. Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng:

- Được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng;

- Chi phiên dịch (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 2.1.13;

- Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc (nếu có): Theo quy định tại Khoản 2.1.12.

2.1.17. Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động (bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là KCB) với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi Hoạt động quân dân y kết hợp. Riêng đối với hoạt động Tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc). Nội dung và mức chi bao gồm:

a. Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có). Mức

chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành;

b. Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành:

- Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước:

+ Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là xã ĐBK); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

+ Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBK; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

- Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước:

+ Người trực tiếp khám, xét nghiệm: mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

+ Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm công tác viên nếu có): mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Trường hợp khám sàng lọc kết hợp chuyển giao kỹ thuật cho địa phương, mức chi cho bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm áp dụng mức chi thù lao cho giảng viên quy định tại Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Người tham gia khám sàng lọc tại địa bàn nơi khám sàng lọc thì không được hỗ trợ công tác phí theo quy định hiện hành;

c. Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phòng, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

d. Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 2.1.13.

Thời gian thực hiện một đợt khám tại một cụm khám và số lượng đối tượng khám tối thiểu/ngày theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế;

Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại khoản này hoặc theo quy định về nội dung chi đặc thù của hoạt động của chương trình (nếu có).

2.1.18. Chi hỗ trợ các xã, phường, thị trấn để thực hiện công tác quản lý chương trình: UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện và khả năng ngân sách địa phương.

2.1.19. Chi thù lao cộng tác viên y tế, dân số tại xã, phường, thị trấn:

a. Đối tượng (nhân viên y tế thôn bản hoặc đối tượng khác) và số lượng cộng tác viên của từng xã: Thủ trưởng cơ quan y tế, dân số tại địa phương quyết định đối với các hoạt động bắt buộc phải có cộng tác viên thường xuyên;

b. Mức hỗ trợ cộng tác viên như sau:

Hỗ trợ cộng tác viên cho các Hoạt động Tiêm chủng mở rộng; An toàn thực phẩm; Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS; Hoạt động đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học và Quân dân Y kết hợp hoặc 01 bệnh của Hoạt động Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến hoặc 01 hoạt động của Hoạt động Dân số và phát triển:

- Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm, xã ĐBKK: 200.000 đồng/người/tháng/hoạt động.

- Đối với xã còn lại: 150.000 đồng/người/tháng/hoạt động.

Trường hợp cộng tác viên của nhiều Hoạt động Tiêm chủng mở rộng; An toàn thực phẩm; Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS; Hoạt động đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học và Quân dân Y kết hợp hoặc nhiều bệnh của Hoạt động Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến hoặc Hoạt động Dân số và phát triển thì cứ mỗi hoạt động hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, cộng tác viên được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/tháng.

2.1.20. Chi hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về, tối đa 03 lần) đối với bệnh nhân thuộc hộ nghèo đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh được cơ quan BHYT chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng:

Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 2.1.11, trong phạm vi dự toán được giao.

2.1.21. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quy não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi: 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

- a. Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (nếu có);
- b. Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của chương trình;
- c. Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe).

2.1.22. Chi thẩm định các ca tử vong khi triển khai các hoạt động thuộc chương trình trong trường hợp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

- a. Chi họp Hội đồng thẩm định: Áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;
- b. Chi công tác phí (nếu có): Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- c. Chi thuê người dẫn đường (nếu cần thiết): Mức chi theo quy định tại Khoản 2.1.12.

2.1.23. Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, triển khai thực hiện chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2.1.24. Chi theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

- a. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí); chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về chương trình: Trường hợp đã có định mức

chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá đó. Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường, thị trấn. Việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b. Chi hỗ trợ truyền thông, quảng bá nội dung của chương trình trên mạng xã hội nhằm đáp ứng công tác truyền thông trong tình hình hiện nay (nếu có). Nội dung chi và mức chi theo quy định tại Khoản 2.1.5.

c. Chi trả nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc sáng tạo tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm về thông tin, tuyên truyền: Mức chi theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

d. Chi tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề: Nội dung và mức chi theo quy định tại Điểm a Khoản 2.1.16.

e. Chi thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phong, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, đài và các chi phí hợp lý khác. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

f. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến chương trình, bao gồm:

- Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao;

- Các khoản chi khác (nếu có) như: xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức: Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng

01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2.1.25. Chi trả thuê nhân công, thuê mướn: Theo hợp đồng thuê khoán công việc.

2.1.26. Chi phụ cấp chống dịch cho người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch hoặc tham gia chống dịch, chi thủ thuật cho các cán bộ làm thủ thuật thực hiện theo quy định tại Quyết định 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

2.1.27. Chế độ công tác phí

a. Thanh toán tiền chi phí đi lại:

+ Trường hợp sử dụng phương tiện Ô tô cơ quan: Nội dung và mức chi thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Trường hợp sử dụng phương tiện cá nhân: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b. Chi phụ cấp lưu trú, thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2.1.28. Chi làm đêm, thêm giờ:

Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản có liên quan.

## **2.2. Nội dung chi và mức chi riêng của từng hoạt động (Theo phụ lục đính kèm)**

### **Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước thực hiện công tác Y tế - Dân số trong giai đoạn 2021-2025;

Nguồn kinh phí chi thường xuyên do ngân sách Nhà nước cấp cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp liên quan trên địa bàn tỉnh;

Nguồn thu hợp pháp khác.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Thời gian thực hiện: Thời gian bắt đầu áp dụng: từ 01/12/2022.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng các điều, khoản, điểm tương ứng với văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng Nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ .... thông qua ngày.....tháng....năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ...../.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐHD, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Trị, Đài PT-TH Quảng Trị;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**